TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 10/ 01/ 2020

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Kim.

Ông Hoàng Văn Tấn.

-Th- ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 05/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2019/QĐXXST-HS ngày 31/12/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Nhân viên chuyển phát; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Quang Thấm, sinh năm 1957; con bà: Nguyễn Thị Vinh, sinh năm 1963; vợ: Trần Thị Nương, sinh năm 1997; con: có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T- Chi nhánh T- N.

Địa chỉ: Số 4…., Tổ 1…, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Trú tại: Xóm 4, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2019). Vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

Anh Lê Văn K, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Trú tại: Số 68 + 70, đường V, phường S, quận L, thành phố Hà Nội.

Người làm chứng:

Chị Giáp Thị Bắc C, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, trú tại: thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang là nhân viên chuyển phát của Công ty TNHH một thành viên chuyển phát nhanh T – Chi nhánh T N, địa điểm kinh doanh số 17, có địa chỉ ở số nhà 555, đường T, xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang từ ngày 09/10/2018 đến ngày 23/9/2019.

Sáng ngày 14/9/2019, T đến công ty nhận đơn hàng (là các bưu phẩm) để vận chuyển cho khách như mọi ngày. Khi đang nhận các đơn hàng trong kho thì T phát hiện ra một đơn hàng là một hộp bìa cottong, mặt ngoài có dán băng dính, cạnh hộp bìa có tem niêm phong ghi chữ Khangnhungmobile.vn và 01 mảnh giấy ghi thông tin sản phẩm, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 7 Pro còn mới, chưa qua sử dụng, không có mã vạch để quét nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp đơn hàng có chiếc điện thoại đi động trên để mang về sử dụng. T lấy một chiếc túi bóng màu trắng bọc bên ngoài đơn hàng rồi quấn băng dính xung quanh, mục đích để che giấu thông tin thực của sản phẩm có trong đơn hàng. Sau đó T lấy một mã vạch của một đơn hàng quần áo khác dán lên đơn hàng vừa bọc, đưa cho chị Giáp Thị Bắc C, sinh năm: 1992, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang là nhân viên quét mã hàng. Quá trình quét mã không phát hiện bất thường gì nên chị C đã giao đơn hàng trên cùng khoảng 80 đơn hàng khác cho T để vận chuyển đến cho khách hàng. Sau khi nhận các đơn hàng, để tránh bị mọi người phát hiện, T để đơn hàng trộm cắp được vào thùng đựng hàng bằng nhựa, màu đỏ gắn để phía sau xe mô tô rồi đi giao các đơn hàng khác cho khách như bình thường. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, T quay về công ty để trả lại những đơn hàng chưa giao được và thanh toán tiền công, còn đơn hàng bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 7 Pro trộm cắp được, T vẫn để ở thùng đựng hàng và mang về nhà.

Ngày 20/9/2019, sau khi phát hiện mất một đơn hàng là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 7 Pro còn mới, chưa qua sử dụng, Công ty đã tiến hành kiểm tra kho và hệ thống camera thì phát hiện Nguyễn Văn T đã trộm cắp đơn hàng trên. Ngày 22/9/2019, chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, trú tại: Xóm 4, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang – là đại diện theo ủy quyền của công ty đã có đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT – Công an huyện Việt Yên.

Ngày 25/9/2019, Nguyễn Văn T đến công ty, tự nguyện giao nộp cho công ty một đơn hàng đã trộm cắp được là một hộp bìa cottong, mặt ngoài có dán băng dính, cạnh hộp bìa có tem niêm phong ghi chữ Khangnhungmobile.vn và 01 mảnh giấy ghi thông tin sản phẩm, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 7 Pro còn mới, chưa qua sử dụng. Sáu đó đến Công an huyện Việt Yên đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp 01 thùng đựng hàng bằng nhựa, màu đỏ.

Cùng ngày, chị Nguyễn Thị H đã giao nộp đơn hàng trên cho Cơ quan CSĐT – Công an huyện Việt Yên.

Ngày 27/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Việt Yên tiến hành xác định hiện trường. Kết quả: xác định vị trí bị mất tài sản là khu vực kho hàng, bên trên có biển báo "khu vực để hàng xã Vân Trung, My Điền".

Ngày 04/10/2019. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên tiến hành định giá và kết luận: *"01 điện thoại di động Xiaomi Note 7 có trị giá 4.000.000 đồng"*.

Tại bản Cáo trạng số 124/CT- VKSVY ngày 30/11/2019 của VKSND huyện Việt Yên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173-BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nh- cáo trạng của VKS đã truy tố. Nay bị cáo thấy đ- ợc tội lỗi của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất của vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố của bản cáo trạng. Đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51, Điều 65 – BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS để phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn Thỏa.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47-BLHS; Điều 106 – BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 01 thùng nhựa mầu đỏ.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự tiến hành tố tụng vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo ở tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của ng- ời bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã đ- ợc thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/9/2019, Công ty TNHH một thành viên chuyển phát nhanh T – Chi nhánh T N, địa điểm kinh doanh số 17, có địa chỉ ở số nhà 555, đường T, xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp một đơn hàng là 01 chiếc điện thoại di động có trị giá 4.000.000 đồng. Bản cáo trạng số 124/CT-VKSVY ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 - BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án thấy: Trong vụ án này chỉ có một mình bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của ng- ời bị hại để chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại có giá trị 4.000.000đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của ng- ời khác đ- ợc pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa ph- ơng, gây hoang mang lo lắng cho ng- ời khác về việc quản lý tài sản. Vì vậy, phải có mức hình phạt tù t- ơng xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy: Sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, tại Cơ quan điều tra cũng nh- tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện giao nộp lại 01 chiếc điện thoại là tài sản trộm cắp cho Công ty, bố đẻ bị cáo là thương binh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 – BLHS. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng khoản 5 Điều 173- BLHS để phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[7] Về vật chứng vụ án: Chiếc thùng đựng hàng bằng nhựa mầu đỏ bị cáo dùng vào việc phạm tội có giá trị không lớn cần được tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T - Chi nhánh T N không có yê cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

(1) Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 – Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(2) Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47-BLHS; Điều 106 – BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 01 thùng nhựa mầu đỏ.

(*Vật chứng có đặc điểm như biên bản bà giao vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên*).

(3) Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

(4) Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333, 334 - BLTTHS.

Báo cho bị cáo có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người LQ.
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Văn Hợp